

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2021/DS-ST
Ngày: 29 – 6 – 2021
V/v Tranh chấp Hợp đồng góp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vinh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xươngne.

Bà Tăng Thị Bạch Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cúc-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Hậu-Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2021/TLST-DS, ngày 03 tháng 02 năm 2021, về Tranh chấp Hợp đồng góp hui, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2021/QĐXXST-DS, ngày 21 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 132/2021/QĐST-DS, ngày 11 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974, địa chỉ: Số X, ấp H, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1974 và bà Mã Thị M, cùng địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo Đơn khởi kiện ngày 26/01/2021, Biên bản hòa giải ngày 04/3/2021 và các tài liệu chứng cứ khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Vào ngày 16/3/2015, bà có làm đầu thảo một dây hui mùa 2.000.000 đồng, 04 tháng khai một lần, có 16 phần, ông Nguyễn Văn Đ và vợ bà Mã Thị M, tham gia 01 phần, khai lần thứ 03, ngày 16/11/2015, vợ chồng ông Đ, bà M hốt hui, đóng hui chết được 05 lần = 10.000.000 đồng, còn lại 08 lần hui chết không đóng với số tiền là 16.000.000 đồng. Sau đó, ông Đ và bà M có trả cho bà

500.000 đồng, còn lại 15.500.000 đồng đến nay không trả, bà phải bỏ ra số tiền này đóng hui thay cho vợ chồng ông Đ, bà M. Chung hui này hiện nay đã mất.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ và bà Mã Thị M có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ hui 15.500.000 đồng.

**Tại Biên bản lấy lời khai ngày 26/02/2021 và Biên bản hòa giải ngày 04/3/2021, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:*

Vợ chồng ông (ông và bà Mã Thị M) là hui viên, có tham gia chơi dây hui mùa 2.000.000 đồng, 04 tháng khui một lần, khui ngày 16/3/2015, có 16 phần, do bà Nguyễn Thị H làm chủ, theo đúng như lời trình bày của bà H nêu trên. Chung hui này, vợ chồng ông đã hót, đóng hui chết được 05 lần = 10.000.000 đồng, còn nợ lại 08 lần hui chết với số tiền 16.000.000 đồng. Sau đó, vợ chồng có trả 500.000 đồng, còn nợ bà H 15.500.000 đồng.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà H, vợ chồng ông cũng đồng ý trả cho bà H với số tiền 15.500.000 đồng, nhưng xin trả dần 04 tháng sẽ trả 200.000 đồng, cho đến khi hết nợ.

**Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách cho rằng:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng, đương sự có mặt đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn bà M vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Về tố tụng:

[1] Tại phiên tòa, bị đơn bà Mã Thị M, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt không rõ lý do, cho nên, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bà M.

- Về nội dung:

[2] Xét thấy: Giữa bà Nguyễn Thị H với vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, bà Mã Thị M có thỏa thuận và giao kết hợp đồng góp hui với nhau trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, các bên tham gia giao dịch đều

là người có đủ năng lực hành vi dân sự, nên đây là giao dịch dân sự hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Cả bà H và vợ chồng ông Đ, bà M đều thừa nhận có tham gia chơi hụi với nhau, theo Dây hụi mùa 2.000.000 đồng, 04 tháng khui một lần, khui ngày 16/3/2015, có 16 phần, mà bà H đã trình bày nêu trên, hiện nay vợ chồng bà M, ông Đ thừa nhận còn nợ bà H tổng số tiền hụi 15.500.000 đồng. Đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Tại khoản 1 Điều 351 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định trách nhiệm dân sự do vi phạm nghĩa vụ: *“Bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền. Vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ”*. Tại khoản 1 Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định Hộ, hụi, biêu, phường: *“Hộ, hụi, biêu, phường (sau đây gọi chung là họ) là hình thức giao dịch về tài sản theo tập quán trên cơ sở thỏa thuận của một nhóm người tập hợp nhau lại cùng định ra số người, thời gian, số tiền hoặc tài sản khác, thể thức góp, lĩnh họ và quyền, nghĩa vụ của các thành viên”*. Vợ chồng ông Đ, bà M cho rằng không có khả năng trả nợ ngay một lần, yêu cầu được trả dần số tiền nợ theo phương thức mỗi 04 tháng trả 200.000 đồng, cho đến khi dứt nợ. Tại phiên tòa, bà H không đồng ý, mà yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà M trả ngay một lần. Căn cứ vào quy định nêu trên, Hội đồng xét xử không thể chấp nhận yêu cầu của vợ chồng ông Đ, bà M đưa ra, tuy nhiên, các đương sự có thể tiếp tục thỏa thuận phương thức trả nợ phù hợp ở giai đoạn thi hành án.

[5] Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 166, 351, 357, 471 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, khoản 1 Điều 30 và khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc vợ chồng bà M, ông Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền nợ hụi 15.500.000 đồng.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, là có căn cứ, theo như nhận định và phân tích nêu trên.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, nên nguyên đơn không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Bị đơn được miễn án phí do thuộc hộ cận nghèo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 166, 351, 357, 471 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, khoản 1 Điều 30 và khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, buộc vợ chồng bà Mã Thị M, ông Nguyễn Văn Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền nợ hội 15.500.000 đồng (Mười lăm triệu năm trăm đồng).

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi cho người được thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà H không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 387.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008800, ngày 03/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Vợ chồng bà M, ông Đ được miễn án phí do thuộc hộ cận nghèo.

4. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm, đối với đương sự không có mặt tại phiên toà thì thời hạn này tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Chi cục THADSH Kế Sách (khi đã có hiệu lực);
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Vinh Thắng